

Số: /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Triển khai chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-BTTTT ngày 28/3/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch hành động năm 2023 triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-UBQGCDĐT ngày 04/4/2023 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 15/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 226/KH-UBND ngày 09/12/2022 về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2023; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 17/01/2023 điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 12/4/2022 về thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khoá XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 31/3/2023 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang năm 2023;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh; xác định các nhiệm vụ chủ yếu, các giải pháp cụ thể và thiết thực gắn với kế hoạch tổ chức theo lộ trình phù hợp nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện phát triển thêm các ngành nghề kinh doanh phù hợp, mở ra các thị trường và tạo thêm nhiều nhu cầu việc làm; giúp người dân tham gia các hoạt động xã hội toàn diện, thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội thuận lợi,... góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của lãnh đạo các cấp, các ngành, để triển khai Chiến lược, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt, xác định phát triển kinh tế số, xã hội số là nhiệm vụ trọng tâm; chủ động, thực hiện quyết liệt, thường xuyên, liên tục, tận dụng tốt nguồn lực đã đầu tư, huy động tối đa nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số, xã hội số thuộc phạm vi quản lý; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc; phấn đấu thực hiện hoàn thành đạt mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

- Phân công trách nhiệm thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ các đơn vị; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, kịp thời giữa các đơn vị trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Ưu tiên đưa hoạt động của người dân, doanh nghiệp lên môi trường số bằng các nền tảng số Việt Nam; chú trọng thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến các hoạt động phát triển kinh tế số và xã hội số của ngành, lĩnh vực phụ trách; nội dung tuyên truyền, phổ biến phải dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, có tính lan tỏa trong cộng đồng.

II. MỤC TIÊU

1. Phát triển kinh tế số

a) Mục tiêu cơ bản năm 2023

Tập trung vào các nhiệm vụ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số, phấn đấu đạt một số mục tiêu, như:

- Năng suất lao động tăng bình quân từ 5%/năm;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 7% trở lên;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 7% trở lên;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 25% trở lên;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 50%.

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Tỷ trọng kinh tế số chiếm 20% GRDP của tỉnh (*Tổng sản phẩm trên địa bàn*);
- Năng suất lao động tăng bình quân từ 7%/năm;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 10% trở lên;

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 10% trở lên;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 50% trở lên;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 60%.

c) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Phần đầu tỷ trọng kinh tế số đạt 30% GRDP (Tổng sản phẩm trên địa bàn);
- Năng suất lao động tăng bình quân từ 8%/năm;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 20% trở lên;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 20% trở lên;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 70% trở lên.

2. Phát triển xã hội số

a) Mục tiêu cơ bản năm 2023

- Hạ tầng mạng băng thông rộng cáp quang phủ 100% đơn vị hành chính cấp xã, trên 95% hộ gia đình;
- Hoàn thành phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh;
- Trên 50% tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng;
- 100% Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục được đào tạo nâng cao nhận thức số, kỹ năng số.

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt 70% trở lên;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 50% trở lên;
- Tỷ lệ người dân có danh tính số kèm theo mã QR code, có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân đạt 100%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt 30% trở lên;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được bồi dưỡng, hướng dẫn kỹ năng số cơ bản đạt 70% trở lên;
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%; Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%;

- Tỷ lệ học sinh, sinh viên có hồ sơ số về việc học tập cá nhân đạt 100%;
- Tỷ lệ các doanh nghiệp, tổ chức và hộ, cá nhân kinh doanh (thuộc diện áp dụng hóa đơn điện tử) sử dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh, gửi, nhận hóa đơn điện tử với cơ quan thuế trên nền tảng công nghệ số đạt 100%;
- Tỷ lệ tuyến đường chính tại trung tâm các huyện, thành phố được lắp đặt hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh đạt 100%;
- Tỷ lệ di sản của tỉnh có hiện diện số và hình thành bản đồ di sản số để người dân, khách du lịch truy cập thuận lợi trên môi trường số đạt 100%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%; phấn đấu mỗi hộ gia đình có ít nhất 01 điện thoại thông minh;
- Phấn đấu triển khai hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến 100% thôn, bản và trên 80% hộ gia đình; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G và điện thoại di động thông minh, từng bước phát triển mạng 5G.

c) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 95% trở lên;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 90%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 70%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 60%;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được bồi dưỡng, hướng dẫn kỹ năng số cơ bản đạt 80% trở lên;
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 100%; tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt trên 90%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 100%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt trên 90%; phổ cập dịch vụ mạng di động 5G trên địa bàn toàn tỉnh.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

IV. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ

1. Tổ chức, bộ máy, mạng lưới

- Tập trung nguồn lực, triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, chương trình chuyển đổi số của tỉnh; tăng cường vai trò, trách nhiệm

của các thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các cấp trong công cuộc chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số của cơ quan, đơn vị, địa phương góp phần nâng cao hiệu quả thiết thực trong hoạt động của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số các cấp trên địa bàn tỉnh.

- Phát huy vai trò hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số để phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số “Make in Việt Nam”.

2. Hợp tác về phát triển kinh tế số, xã hội số

- Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số.

- Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào tỉnh.

3. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế số, xã hội số

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển kinh tế số, xã hội số và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ tỉnh đến cơ sở. Triển khai các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.

- Sản xuất các tin, bài, phóng sự, câu chuyện, phim tài liệu về kinh tế số, xã hội số trên phát thanh, truyền hình; tìm kiếm, phổ biến kinh nghiệm, câu chuyện thành công về phát triển kinh tế số và xã hội số; mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về kinh tế số và xã hội số.

4. Đo lường, giám sát triển khai

Hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số và các mục tiêu cơ bản về kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh.

5. Bảo đảm kinh phí cho phát triển kinh tế số, xã hội số

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: Ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Ưu tiên kinh phí từ ngân sách để thực hiện nhiệm vụ, giải pháp thuộc Kế hoạch này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

- Nguồn kinh phí đầu tư chi để thực hiện các nhiệm vụ, dự án: Đầu tư xây dựng các hệ thống thông tin, nền tảng số, mua sắm phần cứng, phần mềm, công nghệ, trang thiết bị và xây dựng các cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Nguồn kinh phí thường xuyên chi để thực hiện chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ: Nghiên cứu, xây dựng thể chế, chính sách; thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số; điều tra, khảo sát, thống kê, đo lường, đánh giá chỉ số phát triển, ảnh hưởng tác động; thuê, mua sử dụng, thúc đẩy phát triển các nền tảng số; tạo lập, cập nhật, lưu trữ và chia sẻ, sử dụng dữ liệu số; đảm bảo an toàn thông tin mạng; đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực số, kỹ năng số, công dân số, văn hóa số; hỗ trợ, tư vấn chuyển đổi số doanh nghiệp; thông tin, tuyên truyền; duy trì, vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số; các nhiệm vụ khác thuộc Kế hoạch có tính chất chi thường xuyên. Khuyến khích, ưu tiên sử dụng nguồn chi thường xuyên thuê, mua sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số, hệ thống thông tin thay vì đầu tư xây dựng.

- Các doanh nghiệp, tổ chức, cơ sở giáo dục, đào tạo bố trí kinh phí từ ngân sách tự chủ của mình để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao. Các đơn vị có nguồn kinh phí được để lại theo quy định ưu tiên sử dụng nguồn kinh phí này để thực hiện kế hoạch phù hợp quy định của pháp luật.

6. Giảm thiểu các tác động tiêu cực của công nghệ số

- Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số ở tỉnh; trong đó, trọng tâm là đánh giá ảnh hưởng của công nghệ đối với các ngành, nghề và triển vọng việc làm để đưa ra phương án chuyển đổi phù hợp với chiến lược phát triển của tỉnh. Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu bất bình đẳng, thu hẹp khoảng cách và giảm tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số.

- Hình thành các điểm thu gom sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông hư hỏng, hết hạn sử dụng, rác thải công nghệ, rác thải điện tử; đẩy mạnh áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hướng tới một môi trường xanh và bảo vệ sức khỏe của người dân.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế. Tổng hợp, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện trong Báo cáo chuyển đổi số hằng quý, 6 tháng, hằng năm gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Rà soát, bổ sung, cập nhật, đồng bộ các nội dung của Kế hoạch này với kế hoạch chuyển đổi số 5 năm của cơ quan, đơn vị, địa phương; lồng ghép các mục tiêu về kinh tế số, xã hội số khi xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số hằng năm, trong đó căn cứ tình hình thực tế, điều kiện kinh tế - xã hội và nguồn lực xác định cụ thể mục tiêu, phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm phải thực hiện để bảo đảm hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ưu tiên

kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp được giao thuộc Kế hoạch.

- Chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan có liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số, xã hội số thuộc lĩnh vực, ngành, địa phương phụ trách theo hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương và tình hình thực tế tại địa phương để triển khai thực hiện.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Hằng năm, tham mưu lồng ghép các chỉ tiêu, nội dung thực hiện về phát triển kinh tế số, xã hội số trong Kế hoạch chuyển đổi số hằng năm của tỉnh, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Làm đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các nội dung Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số, xã hội số giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến có cách làm hay, sáng kiến có giá trị trong thực hiện phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Cục Thống kê tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình tính toán, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xác định danh mục chương trình, dự án đầu tư; cân đối, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ, dự án về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

- Phối hợp với Cục Thống kê tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông trong quá trình tính toán, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông, Tổng cục Thống kê.

4. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí sự nghiệp hằng năm để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Trường Đại học Tân Trào; Trường Cao đẳng nghề, kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang

- Chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này.

- Nghiên cứu xây dựng chương trình, đề xuất mở các chuyên ngành đào tạo, liên kết đào tạo kỹ sư, cử nhân, công nhân kỹ thuật,... có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

- Triển khai các hoạt động đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho học sinh, sinh viên; sử dụng các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng dạy, học trực tuyến; thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Kế hoạch.

6. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Tuyên Quang

- Tăng thời lượng tin bài về kinh tế số, xã hội số trên các nền tảng xã hội ...

- Chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến về nội dung, kết quả thực hiện Kế hoạch này và các hoạt động phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Đẩy mạnh công tác phối hợp tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên và nhân dân triển khai, thực hiện Kế hoạch. Tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện các cơ chế, chính sách trong triển khai, thực hiện chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

8. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân tỉnh

Phát động hội viên chủ động làm chủ công nghệ, cung cấp sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cho chuyển đổi số; tham gia khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số; chủ động phát hiện, giới thiệu các nền tảng chuyển đổi số quốc gia trong ngành, lĩnh vực mình; khuyến khích các doanh nghiệp thành viên tham gia kết nối, sử dụng các nền tảng số trong hoạt động của hiệp hội; tham gia cung cấp yêu cầu đầu vào để hỗ trợ xây dựng các nền tảng số.

9. Đề nghị Tỉnh đoàn Tuyên Quang

Chỉ đạo tổ chức Đoàn cơ sở, cử đầu mối tới tận cấp xã, tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyển đổi số của tỉnh (Tổ công nghệ số cộng đồng); chủ động phát động các chiến dịch Đoàn viên thanh niên tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số, hỗ trợ, hướng dẫn đoàn viên, hội viên và người dân sử dụng các dịch vụ trên môi trường số.

10. Các Doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông trên địa bàn tỉnh

Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng bưu chính rộng khắp cả nước đáp ứng yêu cầu bùng nổ của phát triển kinh tế số, xã hội số. Đồng thời, cùng với tỉnh tham gia đào tạo, hướng dẫn Tổ chức, người dân sử dụng các kỹ năng số.

11. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Tuyên Quang; Cục Thuế tỉnh

- Tiếp tục rà soát, tổ chức triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Tiếp tục triển khai hóa đơn điện tử cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

12. Cục Thống kê tỉnh

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan trong quá trình tính toán, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh theo các hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê.

Trên đây là Kế hoạch hành động triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai, thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có văn bản đề xuất gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị có trong Kế hoạch;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TG CNTT 02.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Việt Phương

Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ,
XÃ HỘI SỐ GIAI ĐOẠN 2023 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I	PHÁT TRIỂN NỀN MÓNG CHO KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ			
1	Hoàn thiện thể chế			
1.1	Rà soát đề xuất xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật chuyên ngành, các cơ chế, chính sách cho phù hợp với sự phát triển kinh tế số, xã hội số, thúc đẩy giao dịch điện tử trong mọi mặt kinh tế - xã hội thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025
1.2	Rà soát, đề xuất xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số; ưu tiên thực hiện trước đối với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ số trong từng ngành, lĩnh vực	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025
2	Phát triển hạ tầng			
2.1	Tổ chức triển khai thực hiện chương trình, chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu phục vụ kinh tế số và xã hội số theo hướng dẫn, chỉ đạo của Chính phủ, Bộ ngành liên quan gồm:			
2.1.1	Phát triển hạ tầng số, hạ tầng bur chính	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
2.1.2	<p>Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân, đặc biệt là đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả tổ, thôn, bản, khu vực dân sinh trên toàn tỉnh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng. Thúc đẩy khai thác, sử dụng nền tảng địa chỉ số, bản đồ số cho phát triển kinh tế số và xã hội số</p>	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
2.1.3	Phát triển hạ tầng giao thông	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
2.1.4	Phát triển hạ tầng cung cấp điện	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
2.1.5	Phát triển hạ tầng thương mại, công nghiệp và năng lượng	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
2.1.6	<p>Tổ chức triển khai nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam trên địa bàn tỉnh theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số doanh nghiệp và dịch vụ logistics</p>	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
2.1.7	Phát triển hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
2.1.8	Phát triển hạ tầng đô thị	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
2.1.9	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
2.1.10	Phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo; Trường Đại học Tân Trào; Trường Cao đẳng nghề, kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
2.1.11	Phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
2.1.12	Phát triển hạ tầng y tế	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
2.1.13	Phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
3	Phát triển nền tảng số			
3.1	Tham mưu triển khai thực hiện Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
3.2	Tổ chức kết nối, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nền tảng số quốc gia theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ, ngành có liên quan	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
3.3	Chủ trì triển khai và tập huấn, hướng dẫn sử dụng các nền tảng số phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số của ngành, lĩnh vực, cơ quan, địa phương, đặc biệt là các ngành, lĩnh vực trọng điểm gồm: nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, lao động, công nghiệp và thương mại, xây dựng, văn hóa, thể thao và du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025
3.4	Tổ chức tuyên truyền phổ biến các nền tảng số của cơ quan, đơn vị đã triển khai đến các đối tượng sử dụng biết khai thác và sử dụng	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông; Báo Tuyên Quang; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	2023-2025
4	Phát triển dữ liệu số			
4.1	Tham mưu tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh; các quy định, chính sách về tài sản dữ liệu, mua, bán dữ liệu, dịch vụ dữ liệu,... sau khi Chiến lược, các quy định, chính sách được ban hành	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
4.2	Tham mưu triển khai các quy định, chính sách về tài chính, phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp, kết nối chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, doanh nghiệp và người dân, tạo nguồn thu hợp pháp để duy trì, phát triển dữ liệu	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
4.3	Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm gồm: nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, lao động, công nghiệp và thương mại, xây dựng, văn hóa, thể thao	Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	và du lịch;... Bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác, sử dụng một cách dễ dàng	tải, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
4.4	Xây dựng, hoàn thiện nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh kết nối liên thông, mở chia sẻ dữ liệu để tập hợp tài nguyên dữ liệu ngành, lĩnh vực, địa phương vào một đầu mối xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
5	Đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng			
5.1	Triển khai thực hiện Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh triển khai Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030	Sở Thông tin và Truyền thông; Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
5.2	Đảm bảo yêu cầu an toàn thông tin mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025
5.3	Phổ biến rộng rãi các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng Việt Nam đáp ứng được yêu cầu và ưu tiên sử dụng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố; Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	2023-2025
5.4	Tổ chức triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
5.5	Hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND	2023-2025

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	cho các hệ thống thông tin của doanh nghiệp		huyện, thành phố; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	
5.6	Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện đánh giá và dán nhãn tín nhiệm cho các trang, cổng thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng và các hệ thống thông tin khác của cơ quan, doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin mạng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	2023-2025
5.7	Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai phổ cập việc sử dụng chữ ký số cá nhân cho người dân qua giải pháp ký số từ xa	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
5.8	Triển khai kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; hệ thống định danh và xác thực điện tử trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh để phục vụ việc xác nhận mức độ bảo đảm, xác thực của danh tính số của người dân, phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số của tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
6	Phát triển nhân lực số			
6.1	Triển khai thực hiện Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
6.2	Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo; Trường Đại học Tân Trào;	Các sở, ban, ngành	2023-2025

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
		Trường Cao đẳng nghề, kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang; UBND các huyện, thành phố		
6.3	Triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế”, tổ chức các chương trình thực tập ngắn hạn, thường xuyên để tăng cơ hội tiếp xúc nghề nghiệp cho sinh viên từ đó định hướng tốt hơn cho công việc tương lai và bổ sung nguồn lực kỹ thuật cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;	Trường Đại học Tân Trào; Trường Cao đẳng nghề, kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	2023-2025
7	Phát triển kỹ năng số, công dân số, văn hóa số			
7.1	Tổ chức các hoạt động đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyên trách chuyên đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	2023-2025
7.2	Triển khai các hoạt động đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, giáo dục phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo; Trường Đại học Tân Trào; Trường Cao đẳng nghề, kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang; UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
7.3	Triển khai áp dụng Nền tảng đánh giá sát hạch kỹ năng số để sát hạch, đánh giá, công bố kỹ năng số của học sinh, sinh viên, công chức, viên chức, và người lao động trong các doanh nghiệp và có phương án đào tạo nâng cao kỹ năng số phù hợp chuẩn kỹ năng số quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; Trường Đại học Tân Trào; Trường Cao đẳng nghề, kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang	2023-2025
7.4	Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp; khuyến khích mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, được trang bị phương tiện số; hỗ trợ triển khai đào tạo, tập huấn về kỹ năng số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
7.5	Triển khai các chương trình đẩy mạnh phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
7.6	Triển khai giải pháp khảo sát, thu thập ý kiến người dân bằng hình thức trực tuyến, tạo kênh độc lập thu thập, tổng hợp ý kiến phản ánh, đánh giá của người dân liên quan đến mọi vấn đề đời sống kinh tế, xã hội	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
8	Phát triển doanh nghiệp số			
8.1	Triển khai thực hiện Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	2023-2025
8.2	Triển khai thực hiện Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh triển khai Đề án “Xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	2023-2025
8.3	Triển khai thực hiện Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh Hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn và đảm bảo cung cấp hàng hóa thiết yếu khi có dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công thương; Sở Thông tin và Truyền thông	UBND huyện, thành phố	2023-2025
9	Phát triển thanh toán số			
9.1	Rà soát, tổ chức triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Tuyên Quang	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	2023-2025
9.2	Đẩy mạnh triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ Mobile-Money trên địa bàn tỉnh, ưu tiên ở vùng có tỷ lệ phổ cập dịch vụ ngân hàng còn ở mức thấp	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
9.3	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt tại các trường học, cơ sở giáo dục và đào tạo, các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 27/4/2022 của UBND tỉnh về hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022-2025	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế; các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh; UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành	2023-2025
9.4	Triển khai hóa đơn điện tử cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh	Cục Thuế tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	2023-2025
II	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC: <i>Phát triển kinh tế số và xã hội số toàn diện trong tất cả các ngành, lĩnh vực và tập trung phát triển một số ngành, lĩnh vực trọng điểm: Nông nghiệp và nông thôn, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động, việc làm và an sinh xã hội, Thương mại, công nghiệp và năng lượng, Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, các ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính, giao thông vận tải, logistics, xây dựng và bất động sản, các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ và các ngành, lĩnh vực khác... tập trung các nhiệm vụ:</i>			
1	Triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, lĩnh vực, chuyển dịch từ sản xuất truyền thống sang kinh tế số ngành, chuyển đổi số mạnh mẽ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực; thu hút làn sóng doanh nghiệp công nghệ đầu tư phục vụ ngành, lĩnh vực; ứng dụng các nền tảng số ngành phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp và người dân.	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025
2	Triển khai nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh đóng vai trò nòng cốt và người dân tham gia	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất, kinh doanh trong ngành, lĩnh vực; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho doanh nghiệp và người dân.			
3	Triển khai nền tảng số chuyên ngành, nền tảng quản trị và kinh doanh theo từng lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành; kết nối, liên kết giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp và chính phủ, giữa doanh nghiệp trong và ngoài nước; tạo môi trường hình thành các dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, tạo điều kiện khai thác hiệu quả hệ sinh thái kinh doanh trên không gian mạng.	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025
4	Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số chuyên ngành cho lực lượng lao động trong ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025